

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28- 10- 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 và thông báo về việc mở phiên tòa số 04/2021/TB-TA ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1978; thường trú: Kha Vạn C, khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1975; thường trú: 8Kha Vạn C, khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị M và ông Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyền số 01 ngày 17 ngày 3 năm 2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và chúng tôi đã sống ly thân khoảng 01 năm. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi vẫn không thể hòa giải được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết cho bà M ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Thanh T, sinh ngày 25/01/2010; sau khi ly hôn bà Trần Thị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Phạm Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của bà Trần Thị M về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn và thời gian chung sống nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông T vợ chồng chung sống thì cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, nhưng không đến mức phải ly hôn. Trong quá trình tham gia tố tụng ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà Trần Thị M nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị M. Tuy nhiên tại phiên tòa ông trình bày trong thời gian ly thân, nhiều lần ông và bà M hòa giải, nhưng bà M cương quyết ly hôn nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M;

Về con chung: Thông nhất với lời trình bày của bà Trần Thị M, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Thanh T, sinh ngày 25/01/2010. Ông yêu cầu được nuôi con chung và cũng không bà M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 478/VHTT của Phòng Văn hóa thông tin thành phố T cung cấp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa Bà Trần Thị M và ông Phạm Ngọc T ngày 24/12/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Từ trước đến nay, địa phương chưa nghe thông tin về việc mâu thuẫn, xích mích, cãi vã hay đánh nhau giữa vợ chồng bà M và ông T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan.

+ Về nội dung: Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố D nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Trần Thị M có đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân, con chung với ông Phạm Ngọc T có địa chỉ tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Phạm Ngọc T là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyền số 01 ngày 17 ngày 3 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà M đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu được ly hôn. Ông T trình bày, xác định vẫn còn tình cảm với bà M nên không đồng ý ly hôn, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chỉ không thống nhất về cách sống và quan điểm sống. Ông T trình bày trong thời gian ly thân, nhiều lần ông và bà M hòa giải, nhưng bà M cương quyết ly hôn nên tại phiên tòa cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M;

[4] Nguyên đơn, bị đơn đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai người không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân một thời gian, nhiều lần hòa giải để khắc phục mâu thuẫn, nhưng vẫn không thay đổi. Do đó cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, nên tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của cả hai bên không thể hàn gắn.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị M và ông Phạm Ngọc T có 01 con chung tên Phạm Trần Thanh T, sinh ngày 25/01/2010; bà M và ông T đều có yêu cầu nuôi con chung. Hiện con chung đang ở cùng với bà M, việc giao con cho ai nuôi cần

phải xem xét về mọi mặt và sự phát triển bình thường của con chung. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; tuy nhiên ông làm thợ hồ công việc không ở một nơi nhất định. Xét thấy, cháu Phạm Trần Thanh T sống chung với bà M và bà M có công việc và chỗ ở ổn định. Do đó, xét về sự phát triển bình thường và không ảnh hưởng cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với ông Phạm Ngọc T.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Minh được ly hôn với ông Phạm Ngọc T (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, cấp ngày 17 ngày 03 năm 2009).

- Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Thanh T, sinh ngày 25/01/2010 cho bà Trần Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị M không yêu cầu ông Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà M và ông T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà M phải tạo điều kiện cho ông T trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0057717 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);
- UBND xã T, ST, QN (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân